

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 01 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **15/2025/HNGĐ-ST.**

Ngày 10/7/2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và bà Lộc Thị Kim Thơm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Lương Nguyễn Thảo Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Cơ sở 1, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2025, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 12/6/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lý Thị T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là: Thôn Đ, xã L, tỉnh Tuyên Quang). *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Anh **Trương Văn Q**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là: Thôn Đ, xã L, tỉnh Tuyên Quang). *Vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Lý Thị T trình bày:

Chị và anh Trương Văn Q kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 08/6/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q ham chơi, không chịu khó tu chí làm ăn, giữa hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc đến nhau; thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Lý Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Trương Văn Q đến nay đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn Q theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Lý Thị T xác định, chị và anh Trương Văn Q có 02 con chung là cháu: Trương Khánh L, sinh ngày 01/01/2012 và cháu Trương Thùy H, sinh ngày 19/9/2013. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cháu Trương Khánh L và Trương Thùy H, không đề nghị anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lý Thị T xác định, chị và anh Trương Văn Q không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Trương Văn Q đến để giải quyết vụ án nhưng anh Trương Văn Q đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là: Thôn Đ, xã L, tỉnh Tuyên Quang). Theo cung cấp của đại diện thôn Đ, xã L chị Lý Thị T và anh Trương Văn Q kết hôn với nhau như chị T đã trình bày là đúng thực tế. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã L. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thực tế đã sống ly thân từ khoảng năm 2023 cho đến nay. Hiện nay, anh Trương Văn Q thường xuyên vắng mặt tại địa phương, thỉnh thoảng có về nhà, nhưng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc mới cho chính quyền địa phương và gia đình biết. Đại diện thôn xác định có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án và đã thông báo cho anh Trương Văn Q biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh Q nhưng anh Q không về Tòa án để giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS như vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa. Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T xử cho chị Lý Thị T được ly hôn với anh Trương Văn Q.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Trương Khánh L, sinh ngày 01/01/2012 và cháu Trương Thùy H, sinh ngày 19/9/2013 cho chị Lý Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh Trương Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lý Thị T xác định không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Lý Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án gồm: Trích lục kết hôn (bản sao); Căn cước công dân (bản phô tô); Giấy khai sinh con chung (bản sao); Giấy xác nhận thông tin về cư trú.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh tại thôn Đ, xã L, tỉnh Tuyên Quang.

Chị Lý Thị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án chỉ tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Chị Lý Thị T và anh Trương Văn Q kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp; chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và giao nuôi con chung nên xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; bị đơn anh Trương Văn Q có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Đ, xã L, huyện Y (nay là: Thôn Đ, xã L, tỉnh Tuyên Quang) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Trương Văn Q không về Tòa án giải quyết và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở, nơi làm việc mới, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Anh Q vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa; chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.*

[2.1] *Về hôn nhân*:

Căn cứ lời khai của đương sự và các tài liệu chứng cứ có cơ sở xác định: Chị Lý Thị T và anh Trương Văn Q kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2023 cho đến nay, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q theo quy định.

HĐXX xét thấy, việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lý Thị T và anh Trương

Văn Q là đúng thực tế, quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân, trong suốt thời gian sống ly thân hai vợ chồng không gặp nhau, không liên lạc với nhau và cũng không có cách thức biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, chị T xác định đã không còn tình nghĩa vợ chồng với anh Q; hai bên không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, trên thực tế cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lý T. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lý Thị T được ly hôn với anh Trương Văn Q.

[2.2] Về con chung:

Chị Lý Thị T xác định, chị và anh Q có 02 con chung là cháu Trương Khánh L, sinh ngày 01/01/2012 và cháu Trương Thùy H, sinh ngày 19/9/2013, chị T đề nghị giao cháu Trương Văn Q cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, không đề nghị anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy, quá trình xác minh tại địa phương thể hiện: Hiện nay chị Lý Thị T có chỗ ở, có việc làm và mức thu nhập ổn định, chị T có mức thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng; hiện nay cháu L và cháu H đang ở cùng chị T, hiện nay các cháu vẫn được tạo điều kiện phát triển đầy đủ về mọi mặt, được đi học đúng độ tuổi; mặt khác các cháu đều là con gái nên giao cho mẹ chăm sóc nuôi dưỡng sẽ phù hợp hơn. Đối với anh Trương Văn Q hiện nay thường xuyên vắng mặt tại phương, không có nghề nghiệp, công việc và thu nhập ổn định, không đảm bảo các điều kiện nuôi con.

HĐXX xét thấy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của con và ưu tiên bảo đảm lợi ích của con, cần giao cháu Trương Khánh L và cháu Trương Thùy H cho chị Lý Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với điều kiện thực tế.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Lý Thị T không yêu cầu anh Trương Văn Q cấp dưỡng nuôi con, hiện nay anh Trương Văn Q cũng không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T, trường hợp có sự thay đổi về điều kiện sống, sinh hoạt và điều kiện về kinh tế, thu nhập thì các bên có quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung; nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Lý Thị T xác định không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lý Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh Trương Văn Q không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Lý Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lý Thị T được ly hôn với anh Trương Văn Q (*Giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 08/6/2011, tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, nay là: UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang*). Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Khánh L, sinh ngày 01/01/2012 và cháu Trương Thùy H, sinh ngày 19/9/2013 cho chị Lý Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh Trương Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Lý Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000002975502, ngày 17/02/2025 của Công ty cổ phần T1 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 07, ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, chị Lý Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Trương Văn Q không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 – Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Tân Long (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Chung

Trần Duy Viễn

Vũ Mạnh Hồng

